TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **203**/2023/KDTM-ST
Ngày: 21 – 11 - 2023
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Kim Hường

2. Ông Phạm Quang Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 20/2020/TLST-KDTM ngày 02 tháng 3 năm 2020 về "Tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1255/2023/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1254/2023/QĐST-KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn***:** Công ty TNHH C; Trụ sở: A7/40 ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1991; Địa chỉ nơi làm việc: 31 đường V, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 18/8/2023) (có mặt).

- *Bị đơn*: Công ty TNHH S; Trụ sở: 10 đường N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Đinh Thị Thùy T, sinh năm 1973; Chức vụ: Giám đốc; HKTT: 109-111 đường D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Số A đường L, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty TNHH C do bà Nguyễn Thị Diễm H làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH C (gọi tắt là Công ty C) và Công ty TNHH S (gọi tắt là Công ty S) có giao dịch mua bán thép cuộn với nhau từ năm 2017. Trong quá trình giao dịch mua bán, hai bên chủ yếu trao đổi với nhau qua thư điện tử và điện thoại. Và việc thanh toán chủ yếu qua chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng của Công ty S.

Theo yêu cầu của Công ty S thì hai bên tiến hành đối chiếu công nợ và thanh toán hết các khoản nợ chậm nhất vào ngày 08/02/2018. Do đó, vào ngày 08/02/2018, Công ty C đã chuyển khoản thanh toán hết số nợ còn lại là 177.873.600 đồng cho Công ty S. Sau đó, cùng ngày giữa Công ty C và Công ty S đã đối chiếu công nợ và trong nội dung biên bản đối chiếu công nợ cũng thể hiện rõ: "Tại ngày 08 tháng 02 năm 2018, trên sổ sách hai bên thể hiện: CÔNG TY TNHH C đã thanh toán hết công nợ cho CÔNG TY TNHH S". Do đó, Công ty C không còn nợ gì Công ty S. Sau ngày 08/02/2018, giữa Công ty C và Công ty S không còn giao dịch mua bán gì với nhau nữa.

Vào ngày 01/4/2019, Công ty C chuyển tiền thanh toán công nợ cho Công ty TNHH S1 nhưng nhân viên kế toán lại chuyển nhầm vào tài khoản của Công ty S, số tài khoản 104482609, Ngân hàng TMCP Á (giao dịch bằng hệ thống Internet Banking của Ngân hàng). Số tiền chuyển nhầm là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Khi phát hiện chuyển nhầm tiền, ngày 02/4/2019 Công ty C đã làm công văn gửi bằng đường bưu điện cho Công ty S. Sau đó, nhân viên Công ty C đã gọi điện thoại cho bà Đinh Thị Thùy T là người đại điện theo pháp luật của Công ty S thông báo về việc chuyển nhầm tiền và bà T đã hứa sẽ rút ra hoàn trả cho Công ty C.

Công ty C đã liên hệ Ngân hàng TMCP Á để cùng phối hợp mời Công ty S đến Ngân hàng để hoàn trả số tiền nhưng đến nay Công ty S đã rút hết số tiền ra mà không hoàn trả cho Công ty C. Công ty C cũng đã nhiều lần liên hệ với Công ty S về việc yêu cầu hoàn trả số tiền nêu trên nhưng Công ty S cũng không hồi đáp. Điều này thể hiện Công ty S không có thiện chí trả tiền cho Công ty C.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty S hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Toà án nhân dân quận Tân Phú đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự cho Công ty S cũng như cho người đại

diện theo pháp luật của công ty nhưng phía bị đơn không có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu trên

- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ Điều 93, 94, 95, 97 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 166, 351 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty C: Buộc Công ty S phải trả cho Công ty C số tiền 150.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp đòi tài sản. Tranh chấp này giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Do bị đơn có trụ sở chính tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* Do bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Công ty C yêu cầu Công ty S hoàn trả số tiền 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các thông báo này cũng thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn không có mặt, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến về vụ kiện, cũng như không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, Công ty C và Công ty S có giao dịch mua bán thép cuộn với nhau từ năm 2017. Trong quá trình giao dịch mua bán, hai bên chủ yếu trao đổi với nhau qua thư điện tử và điện thoại. Việc thanh toán chủ yếu qua chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng của Công ty S.

Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 10/01/2018 giữa Công ty S và Công ty C thể hiện tính đến hết ngày 10/01/2018, Công ty C còn nợ Công ty S số tiền là 1.137.900.216 đồng. Thời gian thanh toán tính từ ngày 12/01/2018 đến hết ngày 08/02/2018, đồng thời nếu có phát sinh giao dịch mua bán trong thời gian sắp tới thì Công ty C phải thanh toán cho Công ty S trước ngày 08/02/2018.

Xét các giao dịch chuyển khoản của Công ty C đến tài khoản của Công ty S từ ngày 13/01/2018 đến ngày 08/02/2018, Công ty C đã thanh toán cho Công ty S tổng số nợ nêu trên. Đồng thời tại Ủy nhiệm chi ngày 08/02/2018 nội dung chuyển khoản cũng thể hiện: Công ty TNHH C thanh toán dứt điểm công nợ cho Công ty S.

Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 08/02/2018 cũng thể hiện: "Tại ngày 08 tháng 02 năm 2018, trên sổ sách hai bên thể hiện: CÔNG TY TNHH C đã thanh toán hết công nợ cho CÔNG TY TNHH S".

Từ các phân tích nêu trên có cơ sở xác định, Công ty C đã thanh toán dứt điểm các khoản nợ cho Công ty S vào ngày 08/02/2018. Sau ngày 08/02/2018, giữa nguyên đơn và bị đơn không còn giao dịch mua bán gì với nhau nữa. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Xét Giấy báo ngày 02/4/2019 của Ngân hàng TMCP Á thể hiện ngày 01/4/2019, Công ty C có giao dịch bằng hệ thống Internet Banking chuyển vào tài khoản số 104482609 tại Ngân hàng TMCP Á của Công ty S số tiền là 150.000.000 đồng. Do từ sau ngày 08/02/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn đã không còn giao dịch mua bán với nhau nữa nên có cơ sở xác định ngày 01/4/2019 Công ty C đã chuyển nhầm cho Công ty S số tiền là 150.000.000 đồng. Vì vậy, Công ty C yêu cầu Công ty S hoàn trả số tiền 150.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

- *Về thời hạn và phương thức thanh toán:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã giữ số tiền của nguyên đơn từ năm 2019 cho đến nay, đã gây

thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4]. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Công ty C là 150.000.000 đồng, do đó án phí sơ thẩm Công ty S phải chịu là 7.500.000 đồng.

Hoàn trả cho Công ty C toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 3.750.000 đồng mà Công ty C đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0020634 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C:

Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH C số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thời hạn thanh toán: Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm thi hành: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.500.000 đồng (bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho Công ty TNHH C ASEANWINDOW toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 3.750.000 đồng (ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) mà Công ty TNHH C đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0020634 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Hương